



Flashcardo.com

Ми сподіваємося, що ці картки для друку будуть для вас корисними. Щоб знайти ще більше карток, перейдіть на наш сайт www.flashcardo.com/uk. На Flashcardo.com ми надаємо онлайн-картки, картки з повторенням із інтервалами, відео-картки та багато іншого. Усе безкоштовно та готове до використання учнями з усього світу.

Авторське право, ліцензійні примітки

Цей PDF захищений законом про авторське право, і всі права застережені. Ви можете вільно ділитися цим PDF з будь-ким. Однак вам не дозволяється продавати цей PDF або його вміст. Якщо у вас є запитання, будь ласка, перейдіть на www.flashcardo.com/uk, щоб зв'язатися з нами. Дякуємо!

Відмова від відповідальності

ЦЕЙ PDF НАДАЄТЬСЯ «ЯК Є», БЕЗ ЖОДНИХ ГАРАНТІЙ БУДЬ-ЯКОГО ВИДУ, ЯВНИХ ЧИ НЕЯВНИХ, ВКЛЮЧАЮЧИ, АЛЕ НЕ ОБМЕЖУЮЧИСЬ ГАРАНТІЯМИ КОМЕРЦІЙНОЇ ЦІННОСТІ, ПРИДАТНОСТІ ДЛЯ ПЕВНОЇ МЕТИ ТА ВІДСУТНОСТІ ПОРУШЕНЬ. У ЖОДНОМУ ВИПАДКУ АВТОРИ АБО ВЛАСНИКИ АВТОРСЬКИХ ПРАВ НЕ НЕСУТЬ ВІДПОВІДАЛЬНОСТІ ЗА БУДЬ-ЯКІ ПОЗОВИ, ЗБИТКИ АБО ІНШУ ВІДПОВІДАЛЬНІСТЬ, ЧИ ТО В РЕЗУЛЬТАТІ ДОГОВОРУ, ДЕЛІКТУ ЧИ ІНШИХ ПІДСТАВ, ЩО ВИНИКЛИ З PDF, ЙОГО ВИКОРИСТАННЯ АБО ІНШИХ ДІЙ ІЗ НИМ.

Авторське право © 2025 Flashcardo.com. Усі права захищені

Двосторонній друк

Зверніть увагу, що ці картки призначені для двостороннього друку. Якщо ваш принтер не підтримує двосторонній друк, будь ласка, завантажте PDF-файли з окремими картками для друку.

ОСНОВИ

Я

ТИ

ВІН

ВОНА

ВОНО

МИ

ВИ

ВОНИ

ЩО

ХТО

ДЕ

ЧОМУ

ЯК

ЯКИЙ

КОЛИ

ТОДІ

ЯКЩО

ДІЙСНО

АЛЕ

ТОМУ ЩО

НЕ

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

цей

той

всі

або

і

тут

там

лівий

правий

зараз

після обіду

ранок
9:00-11:00

ніч

ранок
6:00-9:00

вечір

полудень

північ
час

година

хвилина

секунда

день

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

тиждень

місяць

рік

вчора

сьогодні

завтра

понеділок

вівторок

середа

четвер

п'ятниця

субота

неділя

жінка

чоловік
загальний

кохання

хлопець

дівчина
кохання

друг

поцілунок

секс

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

дитина

дівчина
загальний

хлопчик

мама

тато

мати

батько

батьки

син

дочка

молодша сестра

молодший брат

старша сестра

старший брат

чоловік
весілля

дружина

кожний

завжди

насправді

знову

вже

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

менше

найбільше

більше

жоден

дуже

ззовні

всередині

далекий

близький

під

над

поруч

передній

задній

кожен

разом

інший

весна

літо

осінь

зима

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

січень

лютий

березень

квітень

травень

червень

липень

серпень

вересень

жовтень

листопад

грудень

північ
місцевість

схід

південь

захід

часто

негайно

раптом

хоча

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Числа

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

hai

một

không

năm

bốn

ba

tám

bảy

sáu

mười một

mười

chín

mười bốn

mười ba

mười hai

mười bảy

mười sáu

mười năm

hai mươi

mười chín

mười tám

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

hai mươi sáu

hai mươi hai

hai mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi mốt

ba mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi

ba mươi bảy

năm mươi

bốn mươi tám

bốn mươi bốn

năm mươi chín

năm mươi lăm

năm mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

sáu mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi

sáu mươi sáu

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

tám mươi

bảy mươi bảy

bảy mươi ba

tám mươi tám

tám mươi bốn

tám mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi mốt

chín mươi

một trăm linh một

một trăm

chín mươi chín

một trăm năm mươi mốt

một trăm mười

một trăm linh năm

hai trăm linh sáu

hai trăm linh hai

hai trăm

ba trăm

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

ba trăm ba mươi

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

bốn trăm linh bốn

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm tám mươi bốn

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

năm trăm linh chín

năm trăm linh năm

năm trăm

sáu trăm

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

sáu trăm mười sáu

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

bảy trăm linh hai

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

bảy trăm bảy mươi

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

tám trăm linh tám

tám trăm linh ba

tám trăm

chín trăm

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn

chín trăm chín mươi

hai nghìn

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

một nghìn không trăm mười
hai

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn không trăm linh hai

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

bốn nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

ba nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

năm nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

bảy nghìn tám trăm chín
mười

bảy nghìn

sáu nghìn

chín nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

tám nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

mười nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

bốn mươi bốn nghìn

ba mươi nghìn ba trăm

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

một triệu

năm trăm nghìn

một trăm nghìn

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

bảy mươi triệu

mười triệu

sáu triệu

một tỷ

tám trăm triệu

một trăm triệu

hai mươi tỷ

mười tỷ

chín tỷ

một nghìn tỷ

ba trăm tỷ

một trăm tỷ

Дієслова

знати

думати

приходити

класти

брати

знаходити

слухати

працювати

розмовляти

давати

любити

допомагати

кохати

телефонувати

чекати

стояти

сидіти

закривати

відкривати

програвати

вигравати

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

вмирати

жити

вмикати

вимикати

вбивати

травмувати

доторкатися

дивитися

пити

їсти

ходити

зустріти

битися об заклад

поцілувати

слідувати

одружуватись

відповідати

запитувати

тягнути
двері

штовхати
двері

натискати

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

бити
рука

ловити

битися

кидати

бігати

читати

писати

ремонтувати

рахувати

вирізати

продавати

купувати

платити

вчитися

мріяти

спати

грати

святкувати

насладжуватися

чистити

стріляти

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

захищати

атакувати

красти

горіти

рятувати

літати

плювати

бити
ступня

кусати

дихати

нюхати

плакати

співати

посміхатися

сміятися

рости

морщитися

сперечатися

ділитися

годувати

ховати

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

попереджувати

плавати

стрибати

піднімати

копати

доставляти

шукати

практикуватися

подорожувати

малювати

відчиняти

замикати

мити

молитися

готувати

блювати

кричати

цитувати

друкувати

розраховувати

заробляти

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Прикметники

новий

старий
загальний

мало

багато

неправильний

правильний

поганий

хороший

щасливий

короткий

довгий

маленький

великий

прекрасний

молодий

старий
людина

білий

чорний

червоний

синій

зелений

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

жовтий

повільний

швидкий

кумедний

несправедливий

справедливий

важкий
загальний

легкий
загальний

багатий

бідний

сильний

слабкий

безпечний

втомлений

гордий

ситий

хворий

здоровий

сердитий

низький
загальний

високий
загальний

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

солодкий

кислий

м'який

твердий

милий

тупий

божевільний

зайнятий

високий
людина

низький
людина

стурбований

здивований

грічний

злий

розумний

холодний

спекотний

помаранчевий

сірий

коричневий

рожевий

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

нудний

важкий
вага

легкий
вага

самотній

голодний

спраглий

сумний

крутий
гора

плоский

вузький

широкий

глибокий

мілкий

величезний

брудний

чистий

повний
загальний

порожній

коштовний

дешевий

сексуальний

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

đốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

лінивий

сміливий

щедрий

мокрый

сухий

гучний

тихий

сонячний

дощовий

туманний

хмарний

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Спорт

гімнастика

теніс

біг

велоспорт

гольф

футбол

баскетбол

плавання

дайвінг

пішохідний туризм

марафон

тріатлон

настільний теніс

важка атлетика

бокс

бадмінтон

фігурне катання

сноубординг

лижний спорт

лижні перегони

хокей

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

волейбол

гандбол

пляжний волейбол

регбі

крикет

бейсбол

американський футбол

водне поло

стрибки у воду

серфінг

вітрильний спорт

веслування

йога

танці

скайдайвінг

шахи

покер

боулінг

балет

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Тварини

свиня

корова

кінь

собака

вівця

мавпа

кішка

ведмідь

курка

качка

метелик

бджола

риба
тварина

павук

змія

тигр

миша
тварина

кролик

лев

віслюк

слон

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

голуб

жук

комар

муха

мураха

кит

акула

дельфін

равлик

жаба

панда

білий ведмідь

вовк

коала

кенгуру

жирафа

лисиця

бегемот

кажан

крук

лебідь

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

чайка

сова

пінгвін

папуга

гусениця

бабка

кальмар

восьминіг

морський коник

тюлень

медуза

краб

динозавр

черепаха

крокодил

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Країни

Європа

Азія

Америка

Африка

Велика Британія

Іспанія

Швейцарія

Італія

Франція

Німеччина

Таїланд

Сінгапур

Росія

Японія

Ізраїль

Індія

Китай

Сполучені Штати Америки

Мексика

Канада

Чилі

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Бразилія

Аргентина

Південно-Африканська Республіка

Нігерія

Марокко

Лівія

Кенія

Алжир

Єгипет

Нова Зеландія

Австралія

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Тіло

голова

ніс

волосся

рот

вухо

око

рука
долоня

ступня

серце

мозок

шия

зад

плече

коліно

нога

рука
плече

живіт

груди

спина

зуб

язик

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

губа

палець

палець ноги

шлунок

легені

печінка

нерв

нирка

кишечник

лоб

підборіддя

щока

борода

великий палець

мізинець

безіменний палець

середній палець

вказівний палець

ніготь

п'ята

хребет

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

м'яз

кістка
тіло

скелет

ребро

хребець

сечовий міхур

вена

артерія

вагіна

сперма

пеніс

яєчко

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Будинок

двері

кухня

ванна кімната

вітальня

спальня

сад

гараж

стіна

підвал

туалет
дім

сходи

дах

вікно
будівля

ніж

чашка
спекотний

склянка

тарілка

чашка
холодний

сміттєвий бак

миска

письмовий стіл

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

ліжко

дзеркало

душ

диван

картина

годинник
загальний

стіл

стілець

сусід

ліфт

балкон

горище

димар

дерев'яна ложка

палички для їжі

столові прилади

ложка

виделка

черпак

горщик

каструля

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

лампочка

книжкова полиця

занавіска

матрац

подушка

ковдра

полиця

шухляда

шафа

відро

віник

ваги

кошик для білизни

ванна

банний рушник

мило

туалетний папір

рушник

умивальник

драбина

поштова скринька

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

паркан



hàng rào

Їжа

яйце

сир

молоко

риба
їжа

м'ясо

кістка
їжа

олія

хліб

цукор

шоколад

цукерка

торт

вода

кава

чай

пиво

вино

салат
їжа

суп

десерт

сніданок

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

ланч

вечеря

піца

морозиво

масло

йогурт

тунець

лосось

шинка

бекон

ковбаса

індичатина

курятина

яловичина

свинина

баранина

гарбуз

гриб

трюфель

часник

цибуля

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cộc

імбир

баклажан

батат

морква

огірок

перець чілі

перець

цибуля городня

картопля

цвітна капуста

капуста

броколі

салат
овоч

шпинат

бамбук
їжа

кукурудза

селера

горох

біб

груша

яблуко

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

маслина

інжир

фінік

кокос

мигдаль

фундук

арахіс

банан

манго

ківі

авокадо

ананас

кавун

виноград

цукрова диня

малина

чорниця

полуниця

вишня

слива

абрикос

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

персик

лимон

грейпфрут

апельсин

помідор

м'ята

цимбопгон

кориця

ваніль

сіль

чорний перець

карі

тютюн

тофу

оцет

локшина

соєве молоко

борошно

рис

овес

пшениця

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

со́я

го́ріх

ме́д

ва́рення

жува́льна гу́мка

млине́ць

печиво́

пу́динг

ке́кс

пончик

е́нергетичний на́пій

апе́льсиновий сі́к

яблучний сі́к

моло́чний ко́ктейль

ко́ка-ко́ла

га́рячий шо́колад

ко́ктейль

ро́м

ві́скі

го́рілка

ме́ню

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

морепродукти

спагетті

суші

попкорн

чіпси

курячі крильця

картопля фрі

гірчиця

майонез

кетчуп

сандвіч

хот-дог

бургер

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Школа

книга

бібліотека

домашнє завдання

екзамен

урок

природничі науки

історія

мистецтво

ручка

олівець

перший

другий

третій

четвертий

дослідження

ступінь

спортивний майданчик

словник

семестр

зошит

геометрія

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

політика

філософія

економіка

фізична культура

біологія

математика

географія

література

хімія

фізика

лінійка

гумка

ножиці

скотч

клей

кулькова ручка

скріпка для паперу

3%

100%

0%

кубічний метр

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

ba phần trăm

kẹp giấy

bút bi

mét khối

không phần trăm

một trăm phần trăm

квадратний метр

миля

метр

міліметр

сантиметр

дециметр

додавання

віднімання

множення

ділення

площа

об'єм

прямокутник

квадрат

трикутник

коло

літр

мілілітр

тонна

кілограм

грам

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

магніт

мікроскоп

воронка

лабораторія

лекція

cái phẫu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Природа

попіл

вогонь

алмаз

Місяць

сонце

зірка

планета

узбережжя

озеро

ліс

пустеля

пагорб

камінь

річка

долина

гора

острів

океан

море

лід

сніг

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

шторм

дощ

вітер

дерево

трава

троянда

квітка

метал

грунт

лава

вугілля

пісок

глина

ракета

супутник

галактика

астероїд

континент

екватор

Південний полюс

Північний полюс

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

струмок

тропічний ліс

печера

водоспад

берег

льодовик

землетрус

кратер

вулкан

атмосфера

повінь

туман

веселка

грім

блискавка

гроза

температура

тайфун

ураган

хмара

гілка

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

листок

корінь

стовбур

насіння

пластик

вуглекислий газ

атом

залізо

кисень

золото

срібло

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Транспорт

автомобіль

автобус

поїзд

залізнична станція

автобусна зупинка

літак

корабель

вантажівка

велосипед

мотоцикл

таксі

світлофор

парковка

дорога

акумулятор

двигун
автомобіль

подушка безпеки

кермо

ремінь безпеки

шина

багажник

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

квитковий автомат

каса

метро

швидкісний поїзд

локомотив

трамвай

шкільний автобус

мікроавтобус

аеропорт

авіакомпанія

гелікоптер

перший клас

економ-клас

бізнес-клас

рятувальний жилет

контейнер

підводний човен

круїзний лайнер

контейнеровоз

яхта

паром

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

порт

рятувальна шлюпка

радар

вуличне освітлення

тротуар

заправка

будівельний майданчик

пішохідний перехід

затор

автомагістраль

танк

екскаватор

трактор

причіп

моторолер

канатна дорога

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Місто

лікарня

школа

будинок

рахунок

ринок

супермаркет

квартира

університет

ферма

церква

ресторан

бар

фітнес-центр

парк

туалет
загальний

карта

швидка допомога

поліція

пожежники

країна

передмістя

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

село

гарантія

торговий центр

аптека

хмарочос

замок

посольство

синагога

храм

завод

мечеть

мерія

пошта

фонтан

нічний клуб

лавка

поле для гольфу

футбольний стадіон

басейн
будівля

тенісний корт

інформація для туристів

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

казино

художня галерея

музей

національний парк

сувенір

акваріум

водяна гірка

американські гірки

аквапарк

зоопарк

дитячий майданчик

аварійний вихід
будівля

пожежна тривога

вогнегасник

поліцейська дільниця

штат

область

столиця

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Лікарня

нещасний випадок

пацієнт

хірургія

таблетка

гарячка

кашель

пункт швидкої допомоги

відділення інтенсивної
терапії

приймальня

аспірин

снодійне

термін придатності

дозування

сироп від кашлю

побічний ефект

інсулін

порошок

капсула

вітамін

знеболювальне

антибіотики

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

бактерія

вірус

серцевий напад

діарея

діабет

інсульт

астма

рак

грип

зубний біль

сонячний опік

біль у горлі

біль у животі

інфекція

алергія

судом

головний біль

шприц

милиця

рентген

ультразвуковий апарат

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

пластир

інвалідна коляска

гіпсова пов'язка

пульс

травма

надзвичайна ситуація

струс мозку

опік

перелом

протизаплідна таблетка

тест на вагітність

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Професії

доктор

медсестра

поліцейський

президент

капітан

детектив

льотчик

професор

вчитель

юрист

секретарка

асистент

суддя

менеджер

кухар

таксист

водій автобуса

модель

художник

прем'єр-міністр

аптекарь

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

пожежник

стоматолог

підприємець

політик

програміст

стюардеса

вчений

вихователь дитячого садка

архітектор

бухгалтер

консультант

прокурор

генеральний менеджер

особистий охоронець

орендодавець

офіціант

охоронець

солдат

рибалка

прибиральник

сантехнік

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

електрик

фермер

портъє

листоноша

касир

перукар

автор

журналіст

фотограф

рятувальник

співак

музикант

актор

репортер

тренер

рефері

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Бізнес

гроші

офіс

стрес

страхування

персонал

відділ

зарплата

адреса

лист

номер телефону

URL-адреса

електронна адреса

веб-сайт

електронна пошта

підпис

збиток

прибуток

клієнт

сума

кредитна картка

пароль

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

банкомат

податок

конференц-зал

візитка

відділ інформаційних технологій

відділ кадрів

юридичний відділ

бухгалтерія

маркетинг

продаж

колега

роботодавець

працівник

записка

презентація

папка з файлами

штамп

проектор

паунок

марка

конверт

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

браузер

інвестиція

фондова біржа

банкнота

монета

відсоток

позика

номер рахунку

банківський рахунок

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Пристрої

телефон

телевізор

камера

радіо

вентилятор

кондиціонер

кавоварка

тостер

пилосос

фен

чайник

посудомийна машина

плита

духовка

мікрохвильова піч

холодильник

пральна машина

пульт дистанційного керування

наушник

миша
комп'ютер

клавіатура

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

жорсткий диск

флешка

сканер

принтер

экран
комп'ютер

ноутбук

робот

гучномовець

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt